

MIỆNG GIÓ KIỂU NAN T
Linear Bar Ceiling Diffuser

• **Công dụng:**

- Dùng để cấp gió hoặc hồi gió.
- Diện tích hữu dụng: 79%.

• **Vị trí lắp đặt:**

- Gắn trên trần giả, trên tường hoặc vách giật cấp.

• **Vật liệu:**

- Nhôm A6063 - T5.
- Khung : Nhôm định hình dày 1.2mm.
- Nan : Nhôm định hình dày 1.0mm.

• **Bề mặt:**

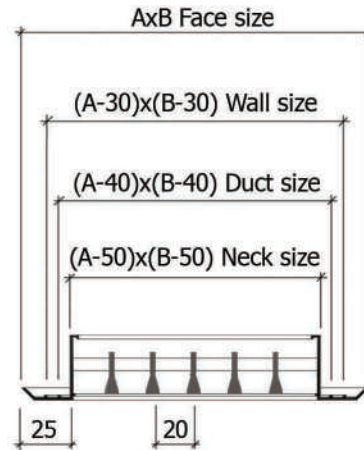
- Sơn tĩnh điện RAL 9010 / RAL 9016 hoặc theo yêu cầu.

• **Phụ kiện:**

- Thường lắp với van OBD, lưới lọc G2 và hộp gió.
- Tháo lắp linh hoạt nhờ khung phụ và cơ cấu bản lề.

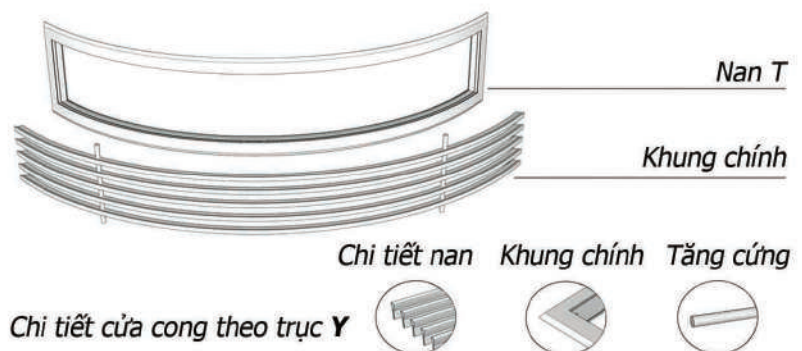
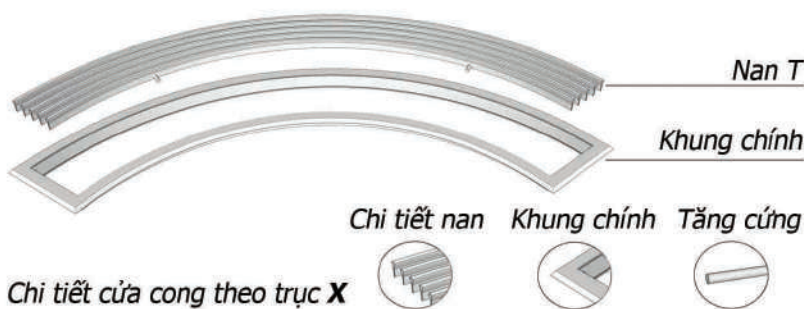
• **Kết cấu:**

- Độ dài tiêu chuẩn: 600mm, 800mm, 1000mm, 1200mm.
- Có một khung bao ngoài và một lõi bao gồm các thanh nhôm cánh phẳng kiểu chữ **T**.



• **KÍCH THƯỚC TIÊU CHUẨN:**

CODE	KT MẶT	KT CỔ	KT HỘP GIÓ	KT LỖ TƯỜNG	VAN ĐCCL	PHIN LỌC
CLB	A x B	(A-50) x (B-50)	(A-40) x (B-40)	(A-30) x (B-30)	+OBD	+F
CLB-E	A x B	(A-50) x (B-50)	(A-40) x (B-40)	(A-30) x (B-30)	+OBD	+F



• THÔNG SỐ ĐƯỜNG CẤP (Supply) :

Neck Width (mm)	Neck Vel.(m/s)		1.0	1.5	2.0	2.5	3.0	3.5
	Tot. Press (mmAq)		0.4	0.6	0.9	1.6	2.2	3.0
45	CMH/M		162	243	324	405	486	567
	Throw (m)	Ceiling	0.3 - 0.3	1.2 - 1.2	2.1 - 2.1	2.7 - 3.0	3.3 - 3.6	4.2 - 4.8
		Wall	1.5 - 2.1	2.4 - 3.6	3.3 - 4.8	4.2 - 6.0	5.1 - 6.9	5.7 - 7.8
	NC		-	-	21	26	31	35
60	CMH/M		216	324	432	540	648	756
	Throw (m)	Ceiling	0.4 - 0.4	1.7 - 1.7	2.8 - 2.9	3.5 - 3.8	4.4 - 4.7	5.1 - 5.4
		Wall	1.9 - 2.6	2.8 - 4.0	4.0 - 5.3	4.9 - 6.5	5.6 - 7.4	6.6 - 8.6
	NC		-	-	20	25	30	34
75	CMH/M		270	405	540	675	810	945
	Throw (m)	Ceiling	0.8 - 0.8	2.3 - 2.3	3.4 - 3.5	4.3 - 4.6	5.3 - 5.6	6.1 - 6.6
		Wall	2.1 - 3.0	3.4 - 4.6	4.6 - 5.9	5.6 - 7.4	6.6 - 8.2	7.6 - 9.4
	NC		-	-	20	25	30	34
90	CMH/M		324	486	648	810	972	1134
	Throw (m)	Ceiling	0.9 - 0.9	2.7 - 2.7	3.9 - 3.9	4.8 - 5.1	6.0 - 6.3	6.9 - 7.2
		Wall	2.4 - 3.3	3.9 - 5.1	5.1 - 6.3	6.0 - 7.5	7.5 - 9.0	8.4 - 10.2
	NC		-	-	21	26	31	35
105	CMH/M		378	567	756	945	1134	1323
	Throw (m)	Ceiling	1.1 - 1.1	3.0 - 3.0	4.2 - 4.2	5.2 - 5.2	6.5 - 6.8	7.2 - 7.3
		Wall	2.8 - 3.7	4.2 - 5.4	5.5 - 6.8	6.5 - 8.0	8.0 - 9.5	8.9 - 10.7
	NC		-	-	21	26	31	35
120	CMH/M		432	648	864	1080	1296	1512
	Throw (m)	Ceiling	1.3 - 1.3	3.0 - 3.0	4.4 - 4.4	5.5 - 5.5	6.8 - 6.8	7.4 - 7.4
		Wall	3.2 - 4.1	4.4 - 5.6	5.9 - 7.1	6.8 - 8.3	8.3 - 9.8	9.4 - 11.2
	NC		-	-	21	26	31	35
135	CMH/M		486	729	972	1215	1458	1701
	Throw (m)	Ceiling	1.5 - 1.5	3.0 - 3.0	4.5 - 4.5	5.5 - 5.5	6.9 - 6.9	7.5 - 7.5
		Wall	3.6 - 4.5	4.8 - 6.0	6.0 - 7.2	7.2 - 8.7	8.7 - 10.2	9.9 - 11.7
	NC		-	-	22	27	32	36
165	CMH/M		594	891	1188	1485	1782	2079
	Throw (m)	Ceiling	1.8 - 1.8	3.3 - 3.3	4.8 - 4.8	6.1 - 6.1	7.5 - 7.7	8.2 - 8.2
		Wall	4.2 - 5.1	5.4 - 6.6	6.6 - 7.8	8.0 - 9.3	9.3 - 10.8	10.5 - 12.3
	NC		-	-	22	27	32	36
195	CMH/M		702	1053	1404	1755	2106	2457
	Throw (m)	Ceiling	2.0 - 2.0	3.5 - 3.5	5.0 - 5.0	6.3 - 6.3	7.8 - 7.9	8.5 - 8.5
		Wall	4.8 - 5.8	5.9 - 7.1	7.0 - 8.1	8.6 - 9.8	9.8 - 11.2	11.1 - 12.9
	NC		-	-	23	28	33	37
225	CMH/M		810	1215	1620	2025	2430	2835
	Throw (m)	Ceiling	2.3 - 2.3	3.8 - 3.8	5.2 - 5.2	6.6 - 6.6	8.0 - 8.0	8.8 - 8.8
		Wall	5.5 - 6.5	6.4 - 7.6	7.4 - 8.4	9.2 - 10.3	10.3 - 11.7	11.8 - 13.6
	NC		-	-	23	28	33	37
255	CMH/M		918	1377	1836	2295	2754	3213
	Throw (m)	Ceiling	2.6 - 2.6	4.0 - 4.0	5.4 - 5.4	6.9 - 6.9	8.2 - 8.2	9.0 - 9.0
		Wall	6.2 - 7.4	7.0 - 8.1	7.9 - 8.8	9.8 - 10.8	10.8 - 12.1	12.5 - 14.2
	NC		-	-	24	29	34	38
285	CMH/M		1026	1539	2052	2565	3078	3591
	Throw (m)	Ceiling	2.8 - 2.8	4.2 - 4.2	5.6 - 5.6	7.2 - 7.2	8.3 - 8.3	9.2 - 9.2
		Wall	7.1 - 8.3	7.6 - 8.7	8.3 - 9.1	10.5 - 11.3	11.3 - 12.6	13.3 - 15.0
	NC		-	-	24	29	34	38
315	CMH/M		1134	1701	2268	2835	3402	3969
	Throw (m)	Ceiling	3.1 - 3.1	4.5 - 4.5	5.9 - 5.9	7.5 - 7.5	8.5 - 8.5	9.5 - 9.5
		Wall	8.3 - 9.4	8.3 - 9.3	8.8 - 9.5	11.2 - 11.9	11.9 - 13.1	14.1 - 15.7
	NC		-	20	25	30	35	39

- Above performance data is also applicable for RAC with one meter curve length.
- Throw values are based on an entire section one meter long.
- Throw is based on terminal velocities of 0.5 m/s - 0.25 m/s respectively.
- NC value is based on a room absorption of 10 dB, re 10⁻¹² watts.
- Dash (-) in space indicates NC value less than 20.
- For return air application, Negative SP=0.75 x Tot. Press. NC=above plus 5.
- Corrected values for throw and NC value as the length changes.